ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Biểu số 58/CK-NSNN

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3225 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Tổng số													**3.149.845**	**165.572**	**1.935.795**	**1.048.477**	**4.415.533**	**668.495**	**1.869.368**	**1.877.670**
A	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**													174.099	0	70.970	103.129	169.816	0	58.696	111.120
I	**Ban QLDA ĐTXD tỉnh**													139.826	0	70.970	68.856	89.218	0	58.696	30.522
1	Chuẩn bị đầu tư													0							
2	Thực hiện dự án													139.826	0	70.970	68.856	89.218	0	58.696	30.522
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-													0							
														0							
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													139.826	0	70.970	68.856	89.218	0	58.696	30.522
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896								68.856			68.856	30.522			30.522
	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	Toàn tỉnh	96 PHT, 36 phòng NTBT; xây mới cải tạo trường THPT	22-25	3707/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	130.000	130.000	130.000						70.970		70.970		58.696		58.696	
II	**Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà**													1.000	0	0	1.000	1.821	0	0	1.821
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													1.000	0	0	1.000	1.821	0	0	1.821
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													1.000	0	0	1.000	1.821	0	0	1.821
	Nhà đa năng và nhà học bộ môn Trường Tiểu học Hùng Vương,	KBNN tỉnh Quảng Trị	1.349m2	23-25	3442/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Tp Đông Hà	11.000	2.000							1.000			1.000	1.000			1.000
	Xây mới Nhà hiệu bộ Trường Mầm non Đông Giang	KBNN tỉnh Quảng Trị	361,8m2	23-25	206/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của TP Đông Hà	4.000	2.200							0			0	821			821
III	**Ban QLDA, PTQĐ &CCN huyện Hải Lăng**													3.724	0	0	3.724	4.076	0	0	4.076
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													3.724	0	0	3.724	4.076	0	0	4.076
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													3.724	0	0	3.724	4.076	0	0	4.076
	Trường TH&THCS Hải Phú, Hạng mục: Phòng chức năng và nhà đa năng	Hải Lăng	400m2	23-25	693/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của huyện HL	4.900								2.124			2.124	2.276			2.276
	Trường TH&THCS Hải Chánh, Hạng mục: Phòng học, phòng chức năng và đa năng	Hải Lăng	330m2	23-25	693/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của huyện HL	2.400								800			800	1.400			1.400

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Trường TH&THCS Hải Xuân, Hạng mục: Nhà đa năng	Hải Lăng	489,6m2	23-25	726/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HL	1.300								800			800	400			400
IV	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Cam Lộ**													5.000	0	0	5.000	1.200	0	0	1.200
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													5.000			5.000	1.200	0	0	1.200
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0				0			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													5.000	0	0	5.000	1.200	0	0	1.200
	Trường TH& THCS Lê Thế Hiếu, huyện Cam Lộ; Hạng mục: Nhà đa năng	Cam Lộ	450m2	23-25	2365/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 2131/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của huyện CL	1.800								0			0	900			900
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ	Xây mới	23-25	2707/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của huyện CL	7.400								5.000			5.000	300			300
V	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Đakrông**													9.736	0	0	9.736	2.864	0	0	2.864
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													9.736	0	0	9.736	2.864	0	0	2.864
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0				0			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													9.736	0	0	9.736	2.864	0	0	2.864
	Trường PTDTBT THCS Tà Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đakrông	540m2	23-25	2883/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện Đakrông	3.300								2.136			2.136	864			864
	Trường THCS thị trấn Krông Klang - Hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học bộ môn	Đakrông	1.310m2	23-25	2882/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của huyện ĐK	6.500								3.700			3.700	300			300
	Trường THCS Hướng Hiệp- Hạng mục: Khu hiệu bộ	Đakrông	350m2	23-25	1953/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của huyện ĐK	2.900								1.500			1.500	500			500
	Trường Tiểu học số 2 Đakrông - Hạng mục: Khu hiệu bộ	Đakrông	388,8m2	23-25	2254/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của huyện ĐK	2.900								1.500			1.500	500			500
	Trường Tiểu học số 1 Đakrông- Hạng mục: Khu hiệu bộ	Đakrông	350m2	23-25	1954/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của huyện ĐK	2.900								900			900	700			700
VI	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Gio Linh**													1.000	0	0	1.000	46.850	0	0	46.850
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													1.000	0	0	1.000	46.850	0	0	46.850
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0				0			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													1.000	0	0	1.000	46.850	0	0	46.850
	Trường TH&THCS Trung Sơn, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Gio Linh	2 tầng, 841m2	23-25	4636/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	3.000								0			0	2.600			2.600

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Trường Mầm non Gio An - Cụm trung tâm; Hạng mục: Xây mới nhà 01 tầng	Gio Linh	1 tầng, 120m2	2.025	4475/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của huyện GL	1.400								0			0	1.250			1.250
	Trường TH&THCS Phong Bình; Hạng mục: Nhà bán trú	Gio Linh	1 tầng, 170m2	23-25	4634/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	1.100								0			0	1.000			1.000
	Trường Mầm non Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	Công trình giáo dục cấp III	2024-2025	2714/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	25.660								300			300	13.000			13.000
	Trường Tiểu học và THCS Gio Hải (cơ sở 2)	Gio Linh	Công trình giáo dục cấp III	2024-2025	2710/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	64.037								700			700	29.000			29.000
VII	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Hướng Hóa**													5.113	0	0	5.113	12.487	0	0	12.487
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													5.113			5.113	12.487	0	0	12.487
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													5.113	0	0	5.113	12.487	0	0	12.487
	Trường PTDT BT TH&THCS Hướng Lập, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	990m2	23-25	4218/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000								2.000			2.000	3.000			3.000
	Trường PTDT BT TH&THCS Ba Tầng, hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	Hướng Hóa	930m	23-25	4217/QĐ-UBND 15/11/2022 của huyện HH	6.000								3.113			3.113	1.887			1.887
	Trường THCS Lao Bảo, hạng mục: Nhà hiệu bộ	Hướng Hóa	345m2	23-25	4223/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	2.500								0			0	2.000			2.000
	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Hướng Sơn; Hạng mục: 02 phòng học	Hướng Hóa	143m2	23-25	4220/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	1.200								0			0	900			900
	Trường THCS Thuận; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 4 phòng học	Hướng Hóa	345m2	23-25	4219/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	2.400								0			0	2.000			2.000
	Trường Tiểu học Thuận; Hạng mục: 04 phòng học và 01 phòng truyền thống	Hướng Hóa	595m2	24-25	923/QĐ-UBND ngày 18/3/2024; 4738/QĐ-UBND ngày	4.200								0			0	2.000			2.000
	Trường Mầm non Hướng Việt; Hạng mục: 02 phòng học	Hướng Hóa	188,8m2	23-25	729/QĐ-UBND ngày 04/3/2024; 4739/QĐ-UBND ngày	1.650								0			0	700			700
VIII	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Triệu Phong**													2.300	0	0	2.300	3.900	0	0	3.900
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													2.300			2.300	3.900	0	0	3.900
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													2.300	0	0	2.300	3.900	0	0	3.900
	Trường mầm non Triệu Long, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	23-25	3140/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	4.500								1.500			1.500	2.300			2.300
	Trường TH&THCS Triệu Đại, hạng mục: Nhà 2 phòng học	Triệu Phong	2 phòng học	23-25	3143/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	1.500								800			800	400			400
	Trường TH&THCS Triệu Tài, hạng mục: nhà 2 phòng học	Triệu Phong	2 phòng học	23-25	3144/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	1.500								0			0	1.200			1.200

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
IX	Ban QLDA, PTQĐ&CCN, DLB huyện Vĩnh Linh													6.400	0	0	6.400	7.400	0	0	7.400
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													6.400			6.400	7.400	0	0	7.400
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													6.400	0	0	6.400	7.400	0	0	7.400
	Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Hà; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	6 phòng học	23-25	4058/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	5.500								2.000			2.000	3.000			3.000
	Trường THCS Lê Quý Đôn, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng	23-25	4073/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	4.000								100			100	100			100
	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: xây dựng nhà 3 phòng học	Vĩnh Linh	4 phòng học	23-25	4075/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	1.900								900			900	900			900
	Trường THCS Nguyễn Trãi, huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	10 phòng học	23-25	4072/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	5.800								3.400			3.400	3.400			3.400
B	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ													8.720	0	0	8.720	11.000	0	0	11.000
I	Sở Khoa học và Công nghệ													8.720	0	0	8.720	11.000	0	0	11.000
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													8.720			8.720	11.000	0	0	11.000
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													8.720	0	0	8.720	11.000	0	0	11.000
	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh	Thiết bị	23-25	3199/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	22.761								8.720			8.720	11.000			11.000
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
C	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH													91.559	59.849	0	31.710	46.138	8.518	0	37.620
I	BQLDA ĐTXD tỉnh													79.059	59.849	0	19.210	41.938	8.518	0	33.420
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													79.059	59.849	0	19.210	41.938	8.518	0	33.420
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													59.849	59.849	0	0	8.518	8.518	0	0
	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tại tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	32 trạm y tế	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 2342/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	151.042								59.849	59.849			8.518	8.518		0
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													19.210	0	0	19.210	33.420	0	0	33.420
	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	3841/QĐ-UBND 29/11/2021	74.500								19.210			19.210	33.420			33.420
II	Ban QLDA, PTQĐ&CCN, DLB huyện Vĩnh Linh													3.500	0	0	3.500	500	0	0	500
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													3.500	0	0	3.500	500	0	0	500

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn														
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
	Trạm y tế xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m2	23-25	4071/QĐ-UBND 22/11/2022 của huyện VL	4.200								3.500	0	0	3.500	500	0	0	500
III	Ban QLDA, PTQĐ &CCN huyện Hải Lăng													3.500			3.500	500			500
1	Chuẩn bị đầu tư													4.000	0	0	4.000	2.000	0	0	2.000
2	Thực hiện dự án																				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													4.000	0	0	4.000	2.000	0	0	2.000
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
	Nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn huyện Hải Lăng (xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quy, Hải Quế, Hải Định)	Hải Lăng	2384 m2	23-25	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của huyện HL	6.500								4.000	0	0	4.000	2.000	0	0	2.000
IV	Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà													4.000			4.000	2.000			2.000
1	Chuẩn bị đầu tư													5.000	0	0	5.000	1.700	0	0	1.700
2	Thực hiện dự án																				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													5.000	0	0	5.000	1.700	0	0	1.700
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn TP Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Phường Đông Giang, Phường Đông Thanh)	Đông Hà	900 m2	23-25	2606/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của TP Đ.Hà	9.000								5.000	0	0	5.000	1.700	0	0	1.700
D	VĂN HÓA THÔNG TIN													5.000			5.000	1.700			1.700
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh													22.600	0	0	22.600	254.548	0	236.600	17.948
1	Chuẩn bị đầu tư													2.000			2.000	239.100	0	236.600	2.500
2	Thực hiện dự án													0				0			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													36.500	0	34.500	2.000	239.100	0	236.600	2.500
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	0	0	0	0
	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	QT, TP, VL	Cải tạo, nâng cấp 02 DT, xây mới bảo tàng 2.100 m2	22-25	2960/QĐ-UBND ngày 11/10/2021; 2408/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	101.250								36.500	0	34.500	2.000	239.100	0	236.600	2.500
	Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm chiến đấu, bảo vệ Thành Cổ Quảng Trị	TXQT, HL, TP	Tu bổ, bảo tồn, tôn tạo	23-25	2954/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	90.000								34.500		34.500		66.600		66.600	
														0				90.000		90.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Công viên thống nhất tại khu di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương – Bến Hải, tỉnh Quảng Trị	VL, GL	Tu bổ, bảo tồn, tôn tạo	23-25	3067/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	80.000								0				80.000		80.000	
	Đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử lưu niệm danh nhân - Mộ Tiến sĩ Bùi Dục Tài	Hải Lăng	Tôn tạo	23-25	3190/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	9.000								2.000			2.000	2.500			2.500
II	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH													0	0	0	0	6.048	0	0	6.048
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0			0	6.048	0	0	6.048
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	6.048	0	0	6.048
	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	2.024	111/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.102								0			0	1.205			1.205
	Chỉnh trang một số hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Đôi bờ Hiền Lương – Bến Hải	Vĩnh Linh	Chỉnh trang	2.024	108/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.179								0			0	1.203			1.203
	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị	TX Quảng Trị	Chỉnh trang	2.024	107/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.189								0			0	1.205			1.205
	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Bảo tàng tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Chỉnh trang	2.024	110/QĐ-SXD ngày 14/6/2024 của Sở Xây dựng	1.218								0			0	1.239			1.239
	Chỉnh trang các hạng mục thuộc công trình Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Chỉnh trang	2.024	106/QĐ-SXD ngày 13/6/2024 của Sở Xây dựng	1.196								0			0	1.196			1.196
III	Ban QLDA, PTQĐ, CCN&DVCI Thị xã Quảng Trị													20.600	0	0	20.600	9.400	0	0	9.400
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													20.600			20.600	9.400	0	0	9.400
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													20.600	0	0	20.600	9.400	0	0	9.400
	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m2	22-25	1138/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của TXQT	44.460								20.600			20.600	9.400			9.400
E	Phát thanh, truyền hình, thông tấn													12.000	0	12.000	0	21.750	0	21.750	0
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh													12.000	0	12.000	0	21.750	0	21.750	0
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													12.000	0	12.000	0	21.750	0	21.750	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0		0		0		0
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													12.000	0	12.000	0	21.750	0	21.750	0

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời - Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	250 chỗ ngồi	23-26	3068/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	45.000								12.000		12.000		21.750		21.750	
G	**Bảo vệ môi trường**													15.550	0	1.000	14.550	47.958	0	36.500	11.458
I	**Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường**													9.550	0	1.000	8.550	39.458	0	36.500	2.958
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													9.550	0	1.000	8.550	39.458	0	36.500	2.958
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**														0				0		
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													9.550	0	1.000	8.550	39.458	0	36.500	2.958
	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	ĐH, TP, GL, VL, HH	6 trạm	24-27	1472/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	45.000								1.000		1.000		36.500		36.500	
	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m2	2022-2025	845/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 3273/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	14.600								8.550			8.550	2.958			2.958
II	**Trung tâm Phát triển CCN-KC&DVCI thành phố Đông Hà**													6.000	0	0	6.000	6.000	0	0	6.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													6.000	0	0	6.000	6.000	0	0	6.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**														0				0		
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													6.000	0	0	6.000	6.000	0	0	6.000
	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	Đông Hà	2 hố chôn lấp; 9600m2	23-25	2700/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của TP Đông Hà	20.000								6.000			6.000	6.000			6.000
II	**Sở TN&MT**													0	0	0	0	2.500	0	0	2.500
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													0	0	0	0	2.500	0	0	2.500
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**														0				0		
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0	0	0	0	2.500	0	0	2.500
	Nâng cao năng lực thu gom, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị	VL, GL	06 hạng mục	2024-2026	2957/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	45.000											0	2.500			2.500
H	**Quản lý nhà nước**													35.500	0	26.000	9.500	187.470	0	157.750	29.720
I	**Sở Thông tin Truyền thông**													26.000	0	26.000	0	7.750	0	7.750	0
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													26.000	0	26.000	0	7.750	0	7.750	0
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0				0			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													26.000	0	26.000	0	7.750	0	7.750	0
	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Toàn tỉnh	hạ tầng kỹ thuật IOC; SOC và GSTT truyền thông	23-26	3058/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	45.000								26.000		26.000		7.750		7.750	
II	Ban QLDA ĐTXD tỉnh													5.000	0	0	5.000	151.200	0	150.000	1.200
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													5.000	0	0	5.000	151.200	0	150.000	1.200
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													5.000	0	0	5.000	151.200	0	150.000	1.200
	Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị và các cơ quan, giai đoạn 1	Đông Hà	7 tầng	24-27	26/NQ-HĐND ngày 12/5/2021 127/NQ-HĐND ngày 19/12/2023	335.000								0				150.000		150.000	
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	24-25	3191/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	6.200								5.000			5.000	1.200			1.200
III	Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Hải Lăng													4.500	0	0	4.500	5.500	0	0	5.500
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													4.500	0	0	4.500	5.500	0	0	5.500
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													4.500	0	0	4.500	5.500	0	0	5.500
	Cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5 tầng	23-25	1045/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của huyện HL	32.945								4.500			4.500	5.500			5.500
IV	Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Hướng Hóa													0	0	0	0	8.831	0	0	8.831
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	8.831	0	0	8.831
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	8.831	0	0	8.831
	Trụ sở làm việc xã Xy	02 tầng	23-25	4216/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	5.386									0			0	4.847			4.847
	Trụ sở UBND xã Hướng Linh	02 tầng	23-25	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của huyện HH	4.936									0			0	3.984			3.984
V	Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Đakrông													0	0	0	0	4.847	0	0	4.847

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	4.847	0	0	4.847
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	4.847	0	0	4.847
	Trụ sở UBND xã Tà Long	Đakrông	02 tầng	23-25	2898/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện ĐK	5.386												0	4.847			4.847
VI	UBND huyện Triệu Phong													0	0	0	0	3.455	0	0	3.455
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	3.455	0	0	3.455
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	3.455	0	0	3.455
	Trụ sở UBND xã Triệu Long	Triệu Phong	02 tầng	23-25	3141/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện TP	5.736												3.455			3.455
VII	Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Gio Linh													0	0	0	0	2.621	0	0	2.621
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	2.621	0	0	2.621
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	2.621	0	0	2.621
	Trụ sở làm việc HĐND&UBND xã Gio Sơn; Hạng mục: nhà làm việc	Gio Linh	02 tầng	23-25	4640/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	5.242												2.621			2.621
VIII	Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Vĩnh Linh													0	0	0	0	3.267	0	0	3.267
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	3.267	0	0	3.267
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	3.267	0	0	3.267
	Trụ sở UBND xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: nhà làm việc 2 tầng	Vĩnh Linh	02 tầng	23-25	4089/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của huyện VL	4.728								0				3.267			3.267
K	Quốc phòng													2.600	0	0	2.600	6.900	0	0	6.900
I	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh													2.600	0	0	2.600	6.900	0	0	6.900
1	Chuẩn bị đầu tư													0				0			
2	Thực hiện dự án													2.600	0	0	2.600	6.900	0	0	6.900
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													0				0			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													2.600	0	0	2.600	6.900	0	0	6.900
	Chốt chiến đấu dân quân thường trực xã A Ngo, huyện Đakrông	Đakrông	01 chốt	2024-2025	192/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	9.500								2.600			2.600	6.900			6.900
L	**An ninh và trật tự an toàn xã hội**													0	0	0	0	35.214	0	0	35.214
I	**Công an tỉnh**													0	0	0	0	35.214	0	0	35.214
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													0	0	0	0	35.214	0	0	35.214
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0				0			
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0	0	0	0	35.214	0	0	35.214
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)													0			0	16.500			16.500
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)													0			0	18.714			18.714
M	**Hoạt động kinh tế**													2.772.051	105.723	1.825.825	840.502	2.704.004	659.977	1.262.407	781.620
I	**BQLDA ĐTXD tỉnh**													1.494.138	105.723	1.235.274	153.141	1.342.601	327.746	833.044	181.811
1	**Chuẩn bị đầu tư**													0				0			
2	**Thực hiện dự án**													1.494.138	105.723	1.235.274	153.141	1.342.601	327.746	833.044	192.511
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													351.669	105.723	112.015	133.931	456.407	327.746	24.060	115.301
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	03 hợp phần	2018-2025	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017, 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018, 1913/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.094.321								305.129	105.723	112.015	87.391	430.707	327.746	24.060	78.901
	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL	PH&PT rừng ven biển (7.917 ha), tạo lợi ích bền vững từ RVB	2019-2026	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019, 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023 840/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	248.443								37.444			37.444	500			500
	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35m	2018-2025	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2639/QĐ-UBND ngày 13/10/2022; 2783/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	80.000								9.096			9.096	35.900			35.900
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													1.142.469	0	1.123.259	19.210	886.194	0	808.984	77.210
	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	ĐH, TP, GL, VL	55,7 km	21-26	4282/QĐ-UBND 17/12/2021	2.060.000								930.000		930.000		713.612		713.612	
	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	ĐK, HH	02 Hợp phần	22-27	4301/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 777/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	921.698								29.259		29.259		20.189		20.189	
	Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1	Đông Hà	910 m	2022-2026	2956/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 2883/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	175.000								0			0	36.314		34.534	1.780
	Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1		2,9km	22-25	2993/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	89.689								0			0	89.689		40.649	49.040
		VL, GL, TP	đường dài 5,26 km; 02 cầu dài 526m	2024-2025	810/QĐ-UBND ngày 09/4/2024; 2960/QĐ-UBND ngày 9/12/2024	600.000								164.000		164.000		0			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn														
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu	Đông Hà	5,9 km	2010-2025	426/QĐ-UBND ngày 8/3/2017; 1858/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 3265/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	588.796								10.690			10.690	6.410			6.410
	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	1.500m	2022-2025	3866/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 3263/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	20.000								8.520			8.520	3.480			3.480
	Cải tạo vỉa hè đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,04 km	2024-2025	2784/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	126.500											0	16.500			16.500
II	**Ban QLDA, PTQĐ, CCN&DVCI Thị xã Quảng Trị**													66.857	0	66.857	0	53.143	0	53.143	0
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													66.857	0	66.857	0	53.143	0	53.143	0
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													66.857	0	66.857	0	53.143	0	53.143	0
	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	đường: 4km; kè 1,5km	22-25	1206/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của Tx Quảng Trị	140.000								66.857		66.857		53.143		53.143	
III	**Ban QLDA, PTQĐ &CCN huyện Hải Lăng**													169.177	0	150.527	18.650	126.643	0	89.473	37.170
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													169.177	0	150.527	18.650	126.643	0	89.473	37.170
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													169.177	0	150.527	18.650	126.643	0	89.473	37.170
	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	43,6 ha	23-26	3080/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	268.868								48.000		48.000		82.000		82.000	
	Tuyến đường kết nối từ cổng phụ Trung tâm hành hương đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	Hải Lăng	2,1km	2024-2025	3197/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	35.800								4.650			4.650	31.150			31.150
	Cầu Cầu Nhi - Hải Tân, đường Thượng Xá - Trà Lộc (DH.50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH.50a)	Hải lăng	Cầu dài 105m; đường dài 14,7 km	22-25	797/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện HL	140.000								102.527		102.527		7.473		7.473	
	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới													14.000			14.000	6.020			6.020
IV	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Cam Lộ**													114.042	0	97.410	16.632	31.458	0	22.590	8.868
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													114.042	0	97.410	16.632	31.458	0	22.590	8.868
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													114.042	0	97.410	16.632	31.458	0	22.590	8.868
	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	17,4 km	22-25	2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện C.Lộ	140.000								97.410		97.410		22.590		22.590	
	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	Cam Lộ	5,66 km	23-25	3030/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 3243/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của huyện CL	31.000								4.632			4.632	5.368			5.368

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn														
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
	Khắc phục, sữa chữa đường An Thái - Bản Chùa	Cam Lộ	6,63km	23-25	1256/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của huyện CL	30.000								7.500			7.500	2.500			2.500
	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới													4.500			4.500	1.000			1.000
V	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Hướng Hóa**													40.818	0	40.757	61	23.243	0	19.243	4.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													40.818	0	40.757	61	23.243	0	19.243	4.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													40.818	0	40.757	61	23.243	0	19.243	4.000
	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	25 km	22-25	6814/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của huyện HH	80.000								40.757		40.757		19.243		19.243	
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Liên - Thuận (ĐH.86), đoạn qua xã Tân Liên	Hướng Hóa	3,665km	2023-2025	2178/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh	30.000								61			61	4.000			4.000
VI	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Triệu Phong**													80.500	0	62.000	18.500	78.655	0	58.000	20.655
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													80.500	0	62.000	18.500	78.655	0	58.000	20.655
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													80.500	0	62.000	18.500	78.655	0	58.000	20.655
	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	Triệu Phong	8,6 km	22-25	2988/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của huyện TP	140.000								62.000		62.000		58.000		58.000	
	Cải tạo cảnh quan Hồ Sắc Tứ, thị trấn Ái Tử	Triệu Phong	3,665km	2023-2025	2178/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh	30.000								4.500			4.500	5.500			5.500
	Hợp phần đầu tư xây dựng các khu tái định cư	Triệu Phong	1,4 ha	2024-2025	2740/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của huyện Triệu Phong	14.151								0				9.135			9.135
	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới													14.000			14.000	6.020			6.020
VII	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN, DLB huyện Vĩnh Linh**													82.100	0	72.100	10.000	22.400	0	10.400	12.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													82.100	0	72.100	10.000	22.400	0	10.400	12.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													82.100	0	72.100	10.000	22.400	0	10.400	12.000
	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	Vĩnh Linh	đường: 4,54km; sân vui chơi: 5000m2	22-25	5052/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của huyện V.Linh	110.000								72.100		72.100		10.400		10.400	
	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1460m	2023-2025	4056/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của huyện VL	15.000								3.000			3.000	9.000			9.000
	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025													7.000			7.000	3.000			3.000
VIII	**UBND huyện Gio Linh**													117.400	0	100.900	16.500	142.923	0	132.203	10.720
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...			Ngân sách trung ương	...								
2	**Thực hiện dự án**													117.400	0	100.900	16.500	142.923	0	132.203	10.720
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													117.400	0	100.900	16.500	142.923	0	132.203	10.720
	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	Gio Linh	265ha	23-25	3289/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 3072/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	233.103								100.900		100.900		132.203		132.203	
	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	1.022m	24-25	4641/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của huyện GL	4.850								1.500			1.500	1.500			1.500
	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới													15.000			15.000	9.220			9.220
IX	**UBND thành phố Đông Hà**													21.000	0	0	21.000	261.228	180.228	0	81.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													21.000	0	0	21.000	261.228	180.228	0	81.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													21.000	0	0	21.000	261.228	180.228	0	81.000
	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	Đông Hà	02 HP	2024-2027	2469/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 2630/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	1.152.920								11.000	0		11.000	224.228	180.228		44.000
	Vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà	1730m	2022-2025	796/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 2940/UBND-QLĐT ngày 25/12/2024 của TP Đông Hà	19.000								5.000			5.000	11.000			11.000
	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	1,5 km	2022-2025	1138/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 2941/UBND-QLĐT ngày 25/12/2024 của Tp Đông Hà	56.200								3.000			3.000	17.000			17.000
	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2025	304/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 2940/UBND-QLĐT ngày 25/12/2024 của TP Đông Hà	20.000								2.000			2.000	9.000			9.000
X	**Sở Lao động Thương binh và Xã hội**													0	0	0	0	157.003	152.003	0	5.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													0	0	0	0	157.003	152.003	0	5.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													0	0	0	0	157.003	152.003	0	5.000
	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	Đông Hà	Trung tâm 10.000 m2; 03 xe ô tô chuyên dụng; ĐTTH	2022-2026	16/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 2663/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	293.311									0			157.003	152.003		5.000
XI	**Ban QLDA, PTQĐ&CCN huyện Đakrông**													5.000	0	0	5.000	15.000	0	0	15.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
1	Chuẩn bị đầu tư													5.000	0	0	5.000	15.000	0	0	15.000
2	Thực hiện dự án																				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													5.000	0	0	5.000	15.000	0	0	15.000
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													5.000	0	0	5.000	15.000	0	0	15.000
	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruồi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	tưới cho 5,58ha	23-25	603/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của huyện ĐK	31.000								5.000			5.000	15.000			15.000
XII	Sở Giao thông Vận tải													1.297	0	0	1.297	58.203	0	0	58.203
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													1.297	0	0	1.297	58.203	0	0	58.203
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													1.297	0	0	1.297	58.203	0	0	58.203
	Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	4,26km	23-25	1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	230.000								0			0	18.640			18.640
	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	0,36 ha	2022-2025	1417/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 968/QĐ-UBND 23/4/2024	26.800								1.297			1.297	20.503			20.503
	Đường tránh phía Đông TP Đông Hà tỉnh Quảng Trị (đoạn từ nút giao đường Nguyễn Hoàng đến Nam cầu sông Hiếu)	Đông Hà	4,26km	2023-2025	1954/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	230.000											0	19.060			19.060
XIII	Sở Kế hoạch và Đầu tư													88.073	0	0	88.073	1.700	0	0	1.700
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													88.073	0	0	88.073	1.700	0	0	1.700
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025													88.073	0	0	88.073	1.700	0	0	1.700
	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	2013-2023	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067								88.073			88.073	1.700			1.700
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
XIV	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn													9.996	0	0	9.996	17.243	0	0	17.243
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													9.996	0	0	9.996	17.243	0	0	17.243
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													9.996	0	0	9.996	17.243	0	0	17.243
	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, CL, HL	5.343 hộ dân	2022-2025	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 5709/UBND-KT ngày 24/12/2024	60.000								9.996			9.996	17.243			17.243
XV	Trung tâm PTQĐ tỉnh													442.198	0	0	442.198	235.508	0	0	235.508
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													442.198	0	0	442.198	235.508	0	0	235.508

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**													304.372	0	0	304.372	127.643	0	0	127.643
	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2022	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078								1.601			1.601	135			135
	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876								257.502			257.502	127.000			127.000
	Đường Trường Chinh, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương)	Đông Hà	0,557km	2019-2023	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893								5.917			5.917	250			250
	Đường Trần Bình Trọng đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến Quốc lộ 9	Đông Hà	0,7km	2020-2023	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020; 2940/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	63.100								39.352			39.352	258			258
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													137.826	0	0	137.826	107.865	0	0	107.865
	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18,19ha	2022-2025	4640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	60.800								43.500			43.500	16.700			16.700
	Lát vỉa hè các tuyến đường còn lại khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	21 tuyến	2023-2025	1311/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	23.612								15.700			15.700	4.600			4.600
	Xây dựng chỉnh trang, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	Đông Hà	19 tuyến	2023-2025	1605/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	38.692								22.000			22.000	9.500			9.500
	Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - Dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	14,1ha	2021-2022	472/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	18.948								8.734			8.734	39			39
	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2022	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270								18.991			18.991	85			85
	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	61,99ha	2023-2026	34/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	546.680								28.902			28.902	76.896			76.896
	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cơ sở hạ tầng khu dân cư Thượng Nghĩa, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà (khu tái định cư)	Đông Hà	7,0ha	2.025	592/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 14/QĐ-UBND ngày 17/02/2022	540								0			0	45			45
XVI	**Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh**													3.400	0	0	3.400	3.000	0	0	3.000
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													3.400	0	0	3.400	3.000	0	0	3.000
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													3.400	0	0	3.400	3.000	0	0	3.000
	Bổ sung quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Quảng Trị													3.400			3.400	3.000			3.000
XVII	**BQL KKT tỉnh**													22.610	0	0	22.610	58.204	0	0	58.204
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													22.610	0	0	22.610	58.204	0	0	58.204
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													22.610	0	0	22.610	58.204	0	0	58.204
	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2045		23.792 ha	2024-2025	2265/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	7.865								1.900			1.900	5.964			5.964
	San nền và HTKT thiết yếu tại khu vực TTCK quốc tế La Lay - tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đakrông	Bãi xuất 2,45 ha; bãi nhập 0,67 ha;	2022-2025	1349/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 2391/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	163.000								0			0	41.500			41.500
	Tuyến RD-01 và RD-04 Khu công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	1.215m	2023-2025	3183/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	25.000								20.710			20.710	10.740			10.740
XVIII	**BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông**													0	0	0	0	9.689	0	9.689	0
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...												
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	9.689	0	9.689	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	9.689	0	9.689	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông															0		9.689		9.689	
XIX	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa													0	0	0	0	4.544	0	4.544	0
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	4.544	0	4.544	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	4.544	0	4.544	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa															0		4.544		4.544	
XX	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải													0	0	0	0	8.568	0	8.568	0
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	8.568	0	8.568	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	8.568	0	8.568	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải																	8.568		8.568	
XXI	BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn													0	0	0	0	6.066	0	6.066	0
1	Chuẩn bị đầu tư													0	0	0	0	6.066	0	6.066	0
2	Thực hiện dự án																				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	6.066	0	6.066	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn																	6.066		6.066	
XXII	BQL rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông													0	0	0	0	8.683	0	8.683	0
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	8.683	0	8.683	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	8.683	0	8.683	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông																	8.683		8.683	
XXIII	UBND huyện Triệu Phong													0	0	0	0	2.685	0	2.685	0
1	Chuẩn bị đầu tư													0	0	0	0	2.685	0	2.685	0
2	Thực hiện dự án																				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	2.685	0	2.685	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc UBND huyện Triệu Phong																	2.685		2.685	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn														
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
XXIV	UBND huyện Hải Lăng													0	0	0	0	1.684	0	1.684	0
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	1.684	0	1.684	0
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	1.684	0	1.684	0
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc UBND huyện Hải Lăng																	1.684		1.684	
XXV	UBND huyện Cam Lộ													0	0	0	0	3.801	0	1.601	2.200
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													0	0	0	0	3.801	0	1.601	2.200
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													0	0	0	0	3.801	0	1.601	2.200
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc UBND huyện Cam Lộ																	1.601		1.601	
	Cấp nước sạch và Quản lý tài nguyên nước tại ba xã miền núi Cam Chính - Cam Nghĩa - Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	03 hạng mục	2024-2026	75/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	37.296												2.200			2.200
XXVI	UBND huyện Đakrông													1.324	0	0	1.324	9.139	0	791	8.348
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													1.324	0	0	1.324	9.139	0	791	8.348
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													1.324	0	0	1.324	9.139	0	791	8.348
	Thực hiện đầu tư các hạng mục công trình thuộc UBND huyện Đakrông																	791		791	
	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025																	6.000			6.000
	Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi													1.324			1.324	2.348			2.348
XXVII	UBND huyện Hướng Hóa													622	0	0	622	7.490	0	0	7.490
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													622	0	0	622	7.490	0	0	7.490
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													622	0	0	622	7.490	0	0	7.490
	Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025																	6.000			6.000
	Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi													622			622	1.490			1.490
XXVIII	Trung tâm PTQĐ thành phố Đông Hà													11.500	0	0	11.500	13.500	0	0	13.500
1	Chuẩn bị đầu tư																				
2	Thực hiện dự án													11.500	0	0	11.500	13.500	0	0	13.500
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025																				
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025													11.500	0	0	11.500	13.500	0	0	13.500
	Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	Đông Hà	2,7ha	23-25	2737/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Tp Đông Hà	28.000								11.500			11.500	13.500			13.500
N	Thể dục thể thao													15.166	0	0	15.166	5.614	0	0	5.614

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/...				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	ngân sách địa phương
I	**Ban QLDA, PTQĐ &CCN huyện Hải Lăng**													1.500	0	0	1.500	3.500	0	0	3.500
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													1.500	0	0	1.500	3.500	0	0	3.500
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													1.500	0	0	1.500	3.500	0	0	3.500
	Sân thể dục thể thao và các hạng mục phụ trợ, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	San nền: 290.230m2; giao thông 187m, hệ thống thoát nước 670m và hạng mục khác	23-25	1404/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của huyện HL	17.700								1.500			1.500	3.500			3.500
II	**Ban QLDA ĐTXD tỉnh**													13.666	0	0	13.666	2.114	0	0	2.114
1	**Chuẩn bị đầu tư**																				
2	**Thực hiện dự án**													13.666	0	0	13.666	2.114	0	0	2.114
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**																				
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025**													13.666	0	0	13.666	2.114	0	0	2.114
	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	2.000m2	22-25	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000								13.666			13.666	2.114			2.114
O	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**													0	0	0	0	372.400	0	0	372.400
	Cấp huyện quản lý																	372.400			372.400
Q	**Cân đối theo tiêu chí (phân cấp quản lý)**													0	0	0	0	77.312	0	0	77.312
	Cấp huyện quản lý																	77.312			77.312
R	**Hoàn trả ứng trước ngân sách trung ương**													1.800	0	1.800	0	13.666	0	13.666	0
	Hoàn ứng thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và các xã khu vực II của các huyện nghèo thuộc Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP													1.800		1.800		13.666		13.666	
S	**Phân bổ sau**																	140.844	0	82.000	58.844
	Ưu đãi đầu tư																	6.000			6.000
	Vốn chuẩn bị đầu tư																	13.420			13.420
	Vốn quyết toán công trình																	5.000			5.000
	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại																	3.828			3.828
	Thực hiện Chương trình phát triển kinh tế tập thể, HTX																	7.610			7.610
	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn																	1.000			1.000
	Chi ĐTPT phân bổ sau																	103.986		82.000	21.986
T	**Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP**																	156.900			156.900
U	**Chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**																	70.000			70.000
V	**Chi hỗ trợ 02 tỉnh Savannakhet, Salavan - Nước CHDCND Lào**																	4.000			4.000
X	**Chi thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 105/2021/NQ-HĐND ngày 30/08/2021 của HĐND tỉnh**																	3.000			3.000
Y	**Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cấp tỉnh; cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh**																	77.000			77.000
Z	**Chi đầu tư khác**																	10.000			10.000